

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 260/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Hữu Đ – sinh năm: 1990

Thường trú: số 3, ngách 6/30, khu phố Đ, phường V, quận B, Hà Nội

Tạm trú: số 83 đường 42, khu phố 5, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Đinh Thị Phương A – sinh năm: 1994

Thường trú: số 83 đường 42, khu phố 5, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/7/2020, ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A cùng tự khai có 01 con chung tên Lê Khánh A (giới tính nữ, sinh ngày 16/12/2015). Ông Đ và bà Phương A thống nhất giao con chung cho bà Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A tự khai không có.

Ngoài ra, ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông Lê Hữu Đ và bà Đinh Thị Phương A đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027729 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã được nộp đủ.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2016 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.2;
- CCTHADS Q.2;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, Thành phố Hà Nội ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lưu Hải Quỳnh A

